

Một số vấn đề cần làm rõ khi định tội danh “Cướp giật tài sản” với các tội phạm khác xâm phạm sở hữu trong giai đoạn hiện nay

Tác giả: Trương Mạnh Huy

Tội “Cướp giật tài sản” quy định tại Điều 171, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là một trong những loại tội phạm xâm phạm sở hữu xảy ra phổ biến trong thực tiễn. Tuy nhiên, tại Điều luật này chỉ nêu tên tội danh, mà không mô tả cụ thể hành vi khách quan của tội phạm. Việc lập pháp theo hướng chỉ nêu tên gọi mà không kèm theo mô tả hành vi khách quan không phải là hiếm gặp trong Bộ luật Hình sự hiện hành, đặc biệt là với các tội có tính điển hình, dễ nhận diện qua tên như tội “Giết người”, “Trộm cắp tài sản”... Tuy nhiên, chính vì vậy, việc xác định ranh giới giữa tội “Cướp giật tài sản” và các tội phạm xâm phạm sở hữu khác có lúc còn có nhiều quan điểm khác nhau, đặt ra nhiều vấn đề trong nhận thức lý luận cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật.

Vì vậy, việc làm rõ bản chất hành vi chiếm đoạt trong tội “Cướp giật tài sản” là cần thiết, nhằm bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức, áp dụng pháp luật đối với loại tội phạm này. Cụ thể qua những vấn đề sau đây:

1. Hành vi “giật”

Đầu tiên, một trong những vấn đề cốt lõi cần được nhận diện rõ ràng trong cấu thành tội “Cướp giật tài sản” chính là bản chất của hành vi chiếm đoạt – cụ thể là việc hành vi “giật” tài sản có phải là yếu tố bắt buộc trong cấu thành tội phạm hay không. Điều này đặt ra yêu cầu phải tiếp cận khái niệm “giật” trong tên gọi tội “Cướp giật tài sản” một cách linh hoạt, không đơn thuần dựa vào hình thức biểu hiện bên ngoài mà cần chú trọng vào bản chất của hành vi chiếm đoạt. Trên thực tế, nhiều trường hợp người phạm tội không thực hiện hành vi “giằng, giật” theo nghĩa hành động vật lý thông thường mà vẫn chiếm đoạt được tài sản một cách bất ngờ, nhanh chóng và công khai.

Trong một số trường hợp, người phạm tội không trực tiếp giật tài sản từ bị hại, mà thay vào đó sử dụng các **thủ đoạn để tiếp cận tài sản và chủ động tạo ra các tình huống** khiến bị hại rơi vào tình thế mất cảnh giác, dẫn đến sơ hở trong việc quản lý tài sản. Lúc này, đối tượng lợi dụng sơ hở đó để chiếm đoạt một cách nhanh chóng, bất ngờ và thường đi kèm với hành vi tẩu thoát lập tức sau đó. Trong các tình huống này, đối tượng không thực hiện hành vi “giật” theo nghĩa thông thường nhưng yếu tố **bất ngờ và nhanh chóng** trong hành vi chiếm đoạt vẫn được bảo đảm, đồng thời bị hại thường không kịp phản ứng hay ngăn cản, do đó bản chất của hành vi vẫn là cướp giật.

Ví dụ: A đến cửa hàng của B và giả vờ hỏi mua 01 thùng bia – đây là **thủ đoạn nhằm tiếp cận tài sản một cách công khai, hợp lý**. Khi B đưa 01 thùng bia cho A và để lên xe máy, A tiếp tục hỏi mua thêm một món đồ khác khiến B phải quay vào trong cửa hàng để lấy. Việc A hỏi mua thêm hàng trong tình huống

này chính là **thủ đoạn nhằm đối phó với người quản lý tài sản**, khiến B không có điều kiện quan sát hoặc ngăn cản hành vi tiếp theo. Lợi dụng thời điểm đó, A điều khiển xe tàu thoát nhanh chóng mà không thanh toán. Hành vi này diễn ra nhanh chóng, bất ngờ và công khai. Mặc dù không có hành vi “giật” theo nghĩa vật lý nhưng vẫn thỏa mãn dấu hiệu của tội “Cướp giật tài sản”.

Như vậy, trong nhiều trường hợp, người phạm tội không chỉ khai thác sơ hở sẵn có, mà còn **chủ động tạo ra hoàn cảnh bất lợi cho chủ tài sản** bằng các thủ đoạn đối phó tinh vi, nhằm thực hiện hành vi chiếm đoạt một cách dứt khoát và khó bị ngăn cản. Đây là điểm quan trọng để phân biệt tội “Cướp giật tài sản” với các tội phạm như “Trộm cắp tài sản” (có tính lén lút, bí mật) hoặc “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” (không có yếu tố thủ đoạn).

Điều này cho thấy, hành vi “giật” không phải là dấu hiệu bắt buộc về mặt hình thức, mà chỉ là hành vi thường xuyên bắt gặp trong thực tiễn. Về bản chất, hành vi khách quan của tội “Cướp giật tài sản” cần được hiểu là hành vi chiếm đoạt tài sản công khai, bất ngờ, diễn ra trong thời gian rất ngắn, tạo thế bị động cho bị hại.

2. Tính công khai

Công khai trong tội “Cướp giật tài sản” cần được hiểu là việc người phạm tội không có ý định che giấu hành vi chiếm đoạt tài sản tại thời điểm thực hiện. “Công khai” ở đây không phải là bắt buộc phải được người khác nhìn thấy khi thực hiện hành vi, mà là người phạm tội ý thức và chấp nhận khả năng bị người khác phát hiện. Nói cách khác, công khai là về ý thức chủ quan của người phạm tội **không có ý định che giấu hành vi, chứ không phụ thuộc vào việc thực tế có người khác nhìn thấy hay không**.

Do đó, không thể hiểu cứng nhắc rằng nếu không có ai nhìn thấy thì hành vi này không có tính công khai. Trong một số tình huống cụ thể, mặc dù không có ai nhìn thấy trực tiếp hành vi chiếm đoạt tại thời điểm xảy ra, song điều đó không làm mất đi bản chất công khai của hành vi. Ví dụ, trong trường hợp đối tượng giật dây chuyền của bị hại tại khu vực lễ hội đông người, hành vi được thực hiện một cách nhanh chóng và bất ngờ, khiến người bị hại không kịp quan sát, đồng thời những người xung quanh cũng không chú ý hoặc không nhận diện được do không gian đông đúc, hỗn tạp. Tuy nhiên, hành vi này vẫn được xem là công khai vì đối tượng khi thực hiện không có ý định tránh sự phát hiện, không mang tính lén lút và diễn ra ngay tại không gian mà bị hại đang quản lý tài sản.

3. Sự nhận biết tức thời của người bị hại

Bên cạnh đó, thời điểm người bị hại nhận thức được việc tài sản bị chiếm đoạt cũng là một đặc điểm thực tiễn có giá trị khi xem xét đến cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Trong đa số các vụ cướp giật, do hành vi chiếm đoạt được thực hiện công khai, nhanh chóng, bất ngờ, không có chủ ý che giấu, người bị hại thường

ngay lập tức nhận biết rằng hành vi chiếm đoạt đã xảy ra, từ đó phản ứng tức thì như tri hô, đuổi theo đối tượng. Ngược lại, đối với tội “Trộm cắp tài sản”, hành vi chiếm đoạt diễn ra trong điều kiện lén lút, có chủ ý che giấu, với mục đích không để người quản lý tài sản nhận biết rằng hành vi chiếm đoạt đang diễn ra. Chính vì vậy, bị hại trong các vụ trộm cắp thường chỉ phát hiện việc mất tài sản sau một khoảng thời gian nhất định, khi có sự kiểm tra, đối chiếu hoặc phát sinh tình huống cụ thể.

Sự khác biệt về mức độ nhận biết tức thời của người bị hại đối với hành vi chiếm đoạt là một trong những dấu hiệu thực tiễn quan trọng, giúp cơ quan tiến hành tố tụng xác định đúng tội danh đối với các vụ án có tình tiết giao thoa giữa các tội phạm xâm phạm sở hữu.

4. Yếu tố “nhANH chóng tẩu thoát”

Cuối cùng, cần xem xét đến diễn biến sau khi hành vi chiếm đoạt được thực hiện – cụ thể là hành vi nhanh chóng tẩu thoát. Đây là nội dung vẫn còn nhiều tranh luận trong lý luận và thực tiễn, đặc biệt là trong những trường hợp người phạm tội không thực hiện hành vi bỏ chạy ngay sau khi chiếm đoạt tài sản. Vấn đề đặt ra là: nhanh chóng tẩu thoát có phải là dấu hiệu bắt buộc để cấu thành tội “Cướp giật tài sản” hay không?

Quan điểm thứ nhất cho rằng: dấu hiệu “nhANH chóng tẩu thoát” là yếu tố bắt buộc trong cấu thành tội này, bởi lẽ hành vi chiếm đoạt trong tội phạm này được thực hiện một cách công khai, không che giấu, nên người bị hại thường nhận biết ngay lập tức việc mất tài sản. Để củng cố kết quả chiếm đoạt và tránh bị phát hiện, bắt giữ tại hiện trường, người phạm tội buộc phải nhanh chóng rời khỏi hiện trường ngay sau khi thực hiện hành vi, nếu không sẽ dễ bị truy đuổi hoặc không chế.

Quan điểm thứ hai cho rằng: “nhANH chóng tẩu thoát” không phải là dấu hiệu bắt buộc. Thực tiễn cho thấy có không ít trường hợp người phạm tội sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt không bỏ chạy ngay, mà có thể đứng lại tại chỗ hoặc rút lui một cách chậm rãi, ví dụ như hòa vào đám đông, bỏ đi một cách bình thản, thay đổi hướng di chuyển để tránh bị chú ý... Trong những trường hợp này, mặc dù không có hành vi tẩu thoát điển hình, nhưng người bị hại không thể nhận diện, truy đuổi hoặc lấy lại tài sản, do hành vi chiếm đoạt được thực hiện bất ngờ và trong thời gian rất ngắn.

Bên cạnh đó, cũng cần tính đến yếu tố chủ quan của người phạm tội. Trong một số trường hợp, đối tượng tự tin rằng với hoàn cảnh phạm tội thuận lợi – như nơi đông người, không có người chứng kiến rõ ràng, có sự hỗ trợ che chắn của đồng phạm, bị hại không có khả năng nhận diện... Lúc này kết quả chiếm đoạt tài sản vẫn được đảm bảo nên việc nhanh chóng tẩu thoát là không cần thiết. Tuy nhiên, điều này không làm thay đổi bản chất chiếm đoạt tài sản một cách công

khai, bất ngờ của hành vi, diễn ra trong thời gian rất ngắn, tạo thế bị động cho bị hại, do đó vẫn đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giạt tài sản”.

Như vậy, nhanh chóng tẩu thoát không phải là dấu hiệu bắt buộc mà chỉ là đặc trưng phổ biến của tội “Cướp giạt tài sản”. Vì thế, trong áp dụng pháp luật, cần tránh máy móc tuyệt đối hóa dấu hiệu “nhanh chóng tẩu thoát” như điều kiện cấu thành, mà nên đánh giá tổng thể hành vi và bối cảnh xảy ra để có thể định tội chính xác, đúng bản chất của tội danh này.

Từ những phân tích trên có thể thấy, tội “Cướp giạt tài sản” có những đặc điểm riêng biệt nhưng cũng tiềm ẩn một số yếu tố dễ gây nhầm lẫn với các tội phạm xâm phạm sở hữu khác. Việc nhận diện đúng các yếu tố cấu thành của tội phạm này không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn đóng vai trò quan trọng trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Để đảm bảo áp dụng thống nhất, trong thời gian tới đề xuất Toà án nhân dân tối cao ban hành Án lệ hoặc tổng kết thực tiễn xét xử để thống nhất quan điểm áp dụng pháp luật đối với tội “Cướp giạt tài sản”.

Đây là tiền đề quan trọng để hoàn thiện lý luận hình sự và phục vụ hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này trong thực tiễn./.